Phụ lục 10
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT LẦN ĐẦU TỈNH AN GIANG
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
PHƯỜNG VĨNH TẾ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

A. ĐẤT Ở

Sửa đổi, bổ sung nội dung tại số thứ tự 1,2,3,6,9,11,12,15,18,31,32,35,40,41 Phụ lục 10 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL10 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG**			
1	1	Châu Thị Tế: Từ Tân Lộ Kiều Lương đến đường Phạm Văn Bạch	20.400	Sửa tên đường (Tên cũ: Châu Thị Tế: Từ Tân Lộ Kiều Lương đến đường Phan Văn Bạch)
2	2	Tân Lộ Kiều Lương		
		- Ngã 3 Lê Đại Cương - Ngã 4 Mai Văn Tạo, Kha Thị Láng	18.360	Sửa tên đường (Tên cũ: Ngã 3 Hoàng Đạo Cật, Lê Đại Cương - Ngã 3 Mai Văn Tạo, Kha Thị Láng)
		- Ngã 4 Mai Văn Tạo, Kha Thị Láng - Ngã 3 Chùa Tây An	20.400	Sửa tên đường (Tên cũ: Ngã 3 Mai Văn Tạo, Kha Thị Láng - Chùa Tây An)
		- Ranh phường Châu Đốc, Vĩnh Tế - ngã 3 Lê Đại Cương	14.960	Sửa tên đường (Tên cũ: Ranh phường Châu Đốc, Vĩnh Tế - ngã 3 Hoàng Đạo Cật, Lê Đại Cương)

TT	Số TT PL10 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
3	3	Phạm Văn Bạch		
		- Ngã 3 Chùa Tây An - chùa Huệ Hương	20.400	Sửa tên đường (Tên cũ: Chùa Tây An - chùa Huệ Hương)
		- Ngã 3 Chùa Tây An - Trần Thị Được	7.200	Sửa tên đường (Tên cũ: Chùa Tây An - Trần Thị Được)
		- Trần Thị Được - ngã 3 Mai Văn Tạo	4.320	Sửa tên đường (Tên cũ: Trần Thị Được - ngã 3 Trương Gia Mô)
		- Ngã 3 Bến Đá - cuối phố 5 căn	3.600	Sửa tên đường (Tên cũ: Ngã 3 Quốc lộ 91 - cuối phố 5 căn)
		- Cuối phố 5 căn - ngã 3 Mai Văn Tạo	1.440	Sửa tên đường (Tên cũ: Cuối phố 5 căn - Trường Trương Gia Mô)
4	6	Mai Văn Tạo: Tân Lộ Kiều Lương - ngã 3 Phạm Văn Bạch	7.200	Sửa tên đường (Tên cũ: Mai Văn Tạo: Tân Lộ Kiều Lương - ngã 3 Trương Gia Mô)
5	9	Đường tránh Quốc lộ 91		
		- Kênh 7 – Đường Quốc lộ 91	975	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường tránh Quốc lộ 91: Kênh 7 - Kênh Tha La)
6	11	Hoàng Đạo Cật: Tân Lộ Kiều Lương - đường Tỉnh 955A	2.880	Sửa tên đường (Tên cũ: Hoàng Đạo Cật: Tân Lộ Kiều Lương - đồn biên phòng Vĩnh Nguơn)
7	12	Đường Tỉnh 955A:		

TT	Số TT PL10 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
		- Kênh Cống Đồn - kênh 4	2.880	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường tỉnh 955A: Kênh Cống Đồn đến đường Nguyễn Thị Minh Khai)
		- Từ kênh Tha La đến kênh Cống Đồn	585	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường tỉnh 955A)
8	15	Đường Vĩnh Xuyên: Phạm Văn Bạch – Đường Tỉnh 955A	1.080	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường Vĩnh Xuyên: Quốc lộ 91 – Đường tỉnh 955A)
9	18	TDC kênh 7 (tính 1 vị trí): Đầu TDC kênh 7; kênh 7 nối dài - Kênh Huỳnh Văn Thu	720	Sửa tên đường (Tên cũ: TDC kênh 7 (tính 1 vị trí): Đầu TDC kênh 7; kênh 7 nối dài - Kênh Huỳnh Văn Thụ)
10	35	Đường Bà Bài: Quốc lộ 91 - Đ. Tỉnh 955A	600	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường Bà Bài: Quốc lộ 911 - Tỉnh lộ 955A)
11	40	Các tuyến đường khác có độ rộng đường ≥ 3m	432	Sửa tên đường (Tên cũ: Các đoạn còn lại trên địa bàn các khóm: Vĩnh Tây, Vĩnh Tây 1, Vĩnh Tây 2, Vĩnh Tây 3, Vĩnh Đông, Vĩnh Đông 1, Vĩnh Đông 2, Vĩnh Phước, Vĩnh Phước 1, Vĩnh Xuyên (chỉ tính 1 vị trí))
12	41	Các tuyến đường khác có độ rộng đường < 3m	300	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường còn lại trên địa bàn các khóm: Vĩnh Khánh 1, Vĩnh Khánh 2, Cây Châm, Bà Bài, Mỹ Phú, Mỹ Thuận (chỉ tính 1 vị trí))

B. ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL10 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG**			
1	I	Phường Vĩnh Tế (các khóm: Vĩnh Tây, Vĩnh Tây 1, Vĩnh Đông, Vĩnh Đông 1, Vĩnh Phước, Vĩnh Phước 1, Vĩnh Xuyên và Mỹ Thuận (khóm Vĩnh Đông 2 cũ))		Sửa tên đường (Tên cũ: Phường Vĩnh Tế(các khóm: Vĩnh Tây, Vĩnh Tây 1, Vĩnh Tây 2, Vĩnh Tây 3, Vĩnh Đông, Vĩnh Đông 1, Vĩnh Đông 2, Vĩnh Phước, Vĩnh Phước 1, Vĩnh Xuyên))
a	1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		
		Giới hạn từ: Kênh Vĩnh Tế - Kênh Cống Đồn - Kênh 7 - Kênh Huỳnh Văn Thu - Kênh 4	120	Sửa tên đường (Tên cũ: Giáp Kênh Vĩnh Tế - Kênh 7- Quốc lộ 91 - Đường Phạm Văn Bạch - Tân Lộ Kiều Lương - Nguyễn Thị Minh Khai; Kênh 7 (cầu Cống Đồn, Đường tránh Quốc lộ 91) - đường tránh Quốc lộ 91 - Lê Hồng Phong - Tân Lộ Kiều Lương - Đường Phạm Văn Bạch và vị trí còn lại)
b	2	Đất trồng cây lâu năm		

TT	Số TT PL10 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
		Giới hạn từ: Kênh Vĩnh Tế - Kênh Cống Đồn - Kênh 7 - Kênh Huỳnh Văn Thu - Kênh 4	150	Sửa tên đường (Tên cũ: Giáp Kênh Vĩnh Tế - Kênh 7- Quốc lộ 91 - Đường Phạm Văn Bạch - Tân Lộ Kiều Lương - Nguyễn Thị Minh Khai; Kênh 7 (cầu Cống Đồn, Đường tránh Quốc lộ 91) - đường tránh Quốc lộ 91 - Lê Hồng Phong - Tân Lộ Kiều Lương - Đường Phạm Văn Bạch và vị trí còn lại)
c	3	Đất rừng	18	
2	II	Phường Vĩnh Tế (các khóm: Vĩnh Khánh, Cây Châm, Bà Bài)		Sửa tên đường (Tên cũ: Phường Vĩnh Tế (các khóm: Vĩnh Khánh 1, Vĩnh Khánh 2, Cây Châm, Bà Bà))
a	1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		
		Khu vực còn lại	40	
b	2	Đất trồng cây lâu năm		
		Khu vực còn lại	45	
c	3	Đất rừng		
		Rừng tràm Vĩnh Tế	18	
3	III	Phường Vĩnh Tế (các khóm: Mỹ Phú, Mỹ Thuận (xã Vĩnh Châu cũ))		Sửa tên đường (Tên cũ: Phường Vĩnh Tế (các khóm: Mỹ Phú, Mỹ Thuận,))

TT	Số TT PL10 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
a	1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		
		Đường Lê Hồng Phong (kênh Huỳnh Văn Thu - Kênh Đào)	65	Sửa tên đường (Tên cũ: Lộ Kênh 1);
		Kênh Huỳnh Văn Thu (xã Vĩnh Châu cũ)	65	Sửa tên đường (Tên cũ: Kênh Huỳnh Văn Thu);
		Khu vực còn lại	40	
b	2	Đất trồng cây lâu năm		
		Đường Lê Hồng Phong (kênh Huỳnh Văn Thu - Kênh Đào)	75	Sửa tên đường (Tên cũ: Lộ Kênh 1);
		Kênh Huỳnh Văn Thu (xã Vĩnh Châu cũ)	75	Sửa tên đường (Tên cũ: Kênh Huỳnh Văn Thu);
		Khu vực còn lại	45	
c	3	Đất rừng		
		Rừng tràm Vĩnh Châu	18	
II	**BỔ SUNG**			
1	II	Phường Vĩnh Tế (các khóm: Vĩnh Khánh, Cây Châm, Bà Bài)		

TT	Số TT PL10 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
a	1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		
		Kênh Tha La (Đường Tỉnh 955A – Kênh Huỳnh Văn Thu)	55	Bổ sung
b	2	Đất trồng cây lâu năm		
		Kênh Tha La (Đường Tỉnh 955A – Kênh Huỳnh Văn Thu)	60	Bổ sung